

“Lại nữa, có tám thành pháp, tám tu pháp, tám giác pháp, tám diệt pháp, tám thối pháp, tám tăng pháp, tám nan giải pháp, tám sanh pháp, tám tri pháp, tám chứng pháp.

“Thế nào là tám thành pháp? Đó là tám nhân duyên khiến cho chưa sở đắc phạm hạnh nhưng có thể sở đắc trí<sup>1</sup> và nếu đã sở đắc phạm hạnh thì trí tăng trưởng. Những gì là tám? Ở đây, Tỳ-kheo sống nương tựa Thế Tôn, hoặc nương tựa sư trưởng, hoặc nương tựa người phạm hạnh có trí tuệ, sanh tâm tầm quý, có ái, có kính. Đó là nhân duyên thứ nhất, chưa chứng đắc phạm hạnh nhưng chứng đắc trí; đã chứng đắc phạm hạnh thì trí tăng gia. Lại nữa, sống nương tựa Thế Tôn, tùy thời mà thưa hỏi: ‘Pháp này có ý nghĩa gì? Dẫn đến đâu?’ Khi ấy các tôn trưởng liền mở bày cho nghĩa lý thâm thâm. Đó là nhân duyên thứ hai. Sau khi nghe pháp thân tâm an lạc, an tĩnh. Đó là nhân duyên thứ ba. Sau khi đã được an lạc, an tĩnh, sẽ không luận bàn những tạp luận làm chướng ngại đạo. Vị ấy đến giữa đại chúng hoặc tự mình thuyết pháp, hoặc thỉnh người khác thuyết, mà vẫn không bỏ sự im lặng của Hiền thánh. Đó là nhân duyên thứ tư. Đa văn, quảng bác, ghi nhớ không quên các pháp thâm áo, hay khéo ở khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, có nghĩa có vị, chân thật, đầy đủ phạm hạnh. Sau khi nghe thì ghi nhớ trong lòng, kiến giải không lay động<sup>2</sup>. Đó là nhân duyên thứ năm. Tu tập tinh cần, diệt ác tăng thiện, gắng sức thực hành không bỏ pháp ấy. Đó là nhân duyên thứ sáu. Bằng trí tuệ mà nhận thức pháp sanh diệt, chỗ thú hưởng của Hiền thánh, tận cùng biên tế của khổ. Đó là nhân duyên thứ bảy. Quán tưởng sanh và tướng diệt của năm thọ ấm: Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ tưởng, hành, thức. Đây là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Đó là nhân duyên thứ tám, khiến cho chưa sở đắc phạm hạnh mà sở đắc trí, nếu đã sở đắc phạm hạnh thì trí tuệ tăng trưởng.

“Thế nào là tám tu pháp? Đó là tám con đường của Hiền thánh: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

“Thế nào là tám giác pháp? Đó là tám pháp ở đời: lợi, suy, vinh,

<sup>1</sup> Pāli: ādibrahmacariyikāya paññāya appaṭiladdhāya paṭilābhāya...nếu chưa chứng đắc trí tuệ thuộc căn bản phạm hạnh, thì sẽ đưa đến chứng đắc.

<sup>2</sup> Kiến bất lưu động 見不流動; Pāli: ditṭhiyā suppaṭividdhā, kiến giải thông đạt.

nhục, khen, chê, khổ, lạc.

“Thế nào là tám diệt pháp? Đó là tám tà: tà kiến, tà tư, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

“Thế nào là tám thối pháp? Đó là tám pháp giải đãi. Tám pháp giải đãi là những gì? Tỳ-kheo lười biếng, khát thực nhưng không được thực, bèn suy nghĩ: ‘Hôm nay ta khát thực dưới xóm nhưng không được thực, thân thể mệt mỏi không đủ sức tọa thiền kinh hành. Ta nên nghỉ ngơi.’ Tỳ-kheo lười biếng suy nghĩ như vậy và nằm nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ nhất.

“Tỳ-kheo lười biếng nhận được thức ăn đầy đủ, lại suy nghĩ: ‘Sáng nay ta vào xóm khát thực, nhận được thức ăn và ăn quá no, thân thể nặng nề không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.’ Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ hai.

“Tỳ-kheo lười biếng, giả sử có làm chút công việc, bèn suy nghĩ: ‘Ngày nay ta làm việc, thân thể mệt mỏi không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.’ Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ ba.

“Tỳ-kheo lười biếng, giả sử có chút việc sẽ phải làm, bèn suy nghĩ: ‘Ngày mai ta sẽ làm việc, thân thể sẽ mệt mỏi, vậy hôm nay không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên nghỉ ngơi trước.’ Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ. Đó là sự giải đãi thứ tư.

“Tỳ-kheo lười biếng, giả sử có đi lại chút ít bèn suy nghĩ: ‘Sáng nay ta đi lại, thân thể mệt mỏi, không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.’ Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ. Đó là sự giải đãi thứ năm.

“Tỳ-kheo lười biếng, giả sử sẽ phải đi lại chút ít, bèn suy nghĩ: ‘Ngày mai ta sẽ phải đi lại, thân thể sẽ mệt mỏi, vậy hôm nay không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên nghỉ ngơi trước.’ Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ sáu.

“Tỳ-kheo lười biếng, giả sử gặp chút bệnh hoạn, bèn suy nghĩ:

‘Nay ta bệnh nặng, mệt nhọc gây yếu, không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.’ Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ bảy.

“Tỳ-kheo lười biếng, khi bệnh đã bớt, bèn suy nghĩ: ‘Ta khỏi bệnh chưa lâu, thân thể gây yếu, không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.’ Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ tám.

“Thế nào là tám tăng pháp? Đó là tám sự không biếng nhác. Tỳ-kheo vào xóm khát thực nhưng không được thức ăn, bèn suy nghĩ: ‘Ta thân thể nhẹ nhàng, ít buồn ngủ, vậy ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.’ Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ nhất.

“Tỳ-kheo khát thực được đủ, bèn suy nghĩ: ‘Nay ta vào xóm khát thực được no đủ, khí lực sung túc, ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.’ Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ hai.

“Tỳ-kheo siêng năng giả sử có chút công việc phải làm, bèn suy nghĩ: ‘Ta vừa làm công việc mà bỏ phước sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.’ Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ ba.

“Tỳ-kheo siêng năng giả sử có công việc sẽ phải làm, bèn suy nghĩ: ‘Ngày mai ta sẽ làm công việc mà bỏ phước sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.’ Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ tư.

“Tỳ-kheo siêng năng giả sử có chút đi lại, bèn suy nghĩ: ‘Ta sáng nay đi lại mà bỏ phước sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.’ Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ năm.

“Tỳ-kheo siêng năng giả sử sẽ phải đi lại, bèn suy nghĩ: ‘Ngày

mai ta sẽ phải đi lại mà bỏ phước sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.’ Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ sáu.

“Tỳ-kheo siêng năng giả sử bị bệnh hoạn, bèn suy nghĩ: ‘Ta nay bệnh nặng, có thể mạng chung. Nay ta hãy tọa thiền kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.’ Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ bảy.

“Tỳ-kheo siêng năng khi bệnh có chút thuyên giảm bèn suy nghĩ: ‘Ta bệnh mới khỏi, biết đâu nó tăng trở lại mà phước bỏ sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.’ Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ tám.

“Thế nào là tám nan giải pháp? Đó là tám sự không thuận lợi, cản trở sự tu tập phạm hạnh<sup>3</sup>. Những gì là tám?

“1. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hưởng về đạo giác ngộ, mà có người sanh vào địa ngục. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu tập phạm hạnh.

“2→5. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hưởng về đạo giác ngộ, mà có người sanh vào súc sanh nγα quý, cõi trời trường thọ, biên địa vô thức, chỗ không có Phật pháp. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu tập phạm hạnh.

“6. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hưởng về đạo giác ngộ, hoặc có người sanh ở trung ương, nhưng có tà kiến, mang tâm điên đảo, thành tựu ác hành chắc chắn vào địa ngục. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu tập phạm hạnh.

“7. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hưởng về đạo giác ngộ, hoặc có chúng sanh sanh ở trung ương nhưng mù, điếc, câm, ngọng, không thể nghe pháp, tu hành phạm hạnh. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu tập phạm hạnh.

<sup>3</sup>. Bát bất nhàn phương tu phạm hạnh 八不閑妨修梵行; Pāli: aṭṭha akkhanā asamayā brahmacariya-vāsāya: tám trường hợp trái thời trái tiết đối với đời sống phạm hạnh.

**“8. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng về đạo giác ngộ, hoặc có chúng sanh sanh ở trung ương, các căn đầy đủ để lãnh thọ Thánh giáo nhưng không gặp Phật, không được tu hành phạm hạnh.**

“Đó là tám pháp không thuận lợi.

“Thế nào là tám sanh pháp? Đó là tám sự tỉnh giác của bậc đại nhân<sup>4</sup>:

“1. Đạo phải là ít dục; nhiều dục không phải là đạo.

“2. Đạo phải là tri túc; không biết nhàm đủ không phải là đạo.

“3. Đạo cần phải nhàn tĩnh; ưa đám đông không phải là đạo.

“4. Đạo cần phải tự giữ; cười giỡn không phải là đạo.

“5. Đạo cần phải tinh tấn; biếng nhác không phải là đạo.

“6. Đạo cần phải chuyên niệm; hay quên lãng không phải là đạo.

“7. Đạo cần phải định ý; loạn ý không phải là đạo.

“8. Đạo cần phải có trí tuệ; ngu si không phải là đạo.

“Thế nào là tám tri pháp? Đó là tám trừ nhập<sup>5</sup>:

“1. Bên trong có sắc tướng, quán ngoại sắc ít, hoặc đẹp hoặc xấu, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ nhất.

“2. Bên trong có sắc tướng, quán ngoại sắc vô lượng, hoặc đẹp hoặc xấu, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ hai.

“3. Bên trong không có sắc tướng, quán ngoại sắc ít, hoặc xấu hoặc đẹp, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ ba.

“4. Bên trong không có sắc tướng, quán ngoại sắc vô lượng, hoặc đẹp hoặc xấu, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ tư.

“5. Bên trong không sắc tướng, quán ngoại sắc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh, cái nhìn xanh<sup>6</sup>. Ví như màu xanh của sen xanh. Cũng như vải ba-la-nại màu xanh, thuần nhất. Màu xanh, ánh sáng xanh, cái nhìn xanh cũng được tướng như vậy, thường quán thường niệm. Đó là

<sup>4</sup> Bát Đại nhân giác 八大人覺; Pāli: aṭṭha mahāpurisavitakkā, tám suy niệm của bậc Đại nhân.

<sup>5</sup> Bát trừ nhập 八除入, tức bát bội xả 八背捨 hay bát thắng xứ 八勝處. Tham chiếu No.1536 (Đại XXVI, tr.445b); Pāli: attha abhibhāyatanāni.

<sup>6</sup> Thanh sắc, thanh quang, thanh kiến 青色青光青見; No.1536: thanh hiển, thanh hiện, thanh quang 青顯青現青光; Pāli: nīlavannāni nīladassanāni nīlabhāsāni.

trừ nhập thứ năm.

“6. Bên trong không sắc tướng, quán ngoại sắc vàng; màu vàng, ánh sáng vàng, cái nhìn vàng. Ví như màu vàng của hoa vàng; vải ba-la-nại vàng. Màu vàng, ánh sáng vàng, cái nhìn vàng cũng được tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là trừ nhập thứ sáu.

“7. Bên trong không sắc tướng quán ngoại sắc đỏ. Màu đỏ, ánh sáng đỏ, cái nhìn đỏ. Ví như ba màu đỏ, vải ba-la-nại đỏ, thuần nhất màu đỏ, ánh sáng đỏ, cái nhìn đỏ, cũng được tưởng như vậy thường quán, thường niệm. Đó là trừ nhập thứ bảy.

“8. Bên trong không sắc tướng, quán ngoại sắc trắng. Màu trắng, ánh sáng trắng, cái nhìn trắng. Cũng như màu trắng của hoa trắng, vải ba-la-nại trắng, thuần nhất. Cũng tưởng như vậy, màu trắng, ánh sáng trắng, cái nhìn trắng, thường quán, thường niệm. Đó là trừ nhập thứ tám.

“Thế nào là tám chứng pháp? Đó là tám giải thoát: Bên trong có sắc tướng, quán sắc: giải thoát thứ nhất. Bên trong có sắc tướng, quán ngoại sắc: giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát: giải thoát thứ ba. Vượt sắc tướng, diệt sân nhuế tướng, an trú không xứ: giải thoát thứ tư<sup>7</sup>. Vượt qua không xứ, an trú thức xứ: giải thoát thứ năm. Vượt qua thức xứ, an trú bất dụng xứ: giải thoát thứ sáu. Vượt qua bất dụng xứ, an trú hữu tướng vô tướng xứ: giải thoát thứ bảy. Vượt hữu tướng vô tướng xứ, an trú tướng tri diệt: giải thoát thứ tám.

“Các Tỳ-kheo, đó là tám mươi pháp như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

“Lại nữa, có chín thành pháp, chín tu pháp, chín giác pháp, chín diệt pháp, chín thối pháp, chín tăng pháp, chín nan giải pháp, chín sanh pháp, chín tri pháp, chín chứng pháp.

“Thế nào là chín thành pháp? Đó là chín tịnh diệt chi<sup>8</sup>: giới<sup>9</sup> tịnh diệt chi, tâm tịnh diệt chi, kiến tịnh diệt chi, độ nghi tịnh diệt chi, phân biệt tịnh diệt chi, đạo tịnh diệt chi, trừ tịnh diệt chi, vô dục tịnh diệt chi, giải thoát tịnh diệt chi<sup>10</sup>.

---

<sup>7</sup>. Xem kinh Chúng Tập, mục tám pháp.

<sup>8</sup>. Tịnh diệt chi 淨滅支; Pāli: parisuddhipadhāniyaṅga, thành phần cần nỗ lực để thanh tịnh: biến tịnh tinh cần chi. Chín pháp này, trong D.34 thuộc về các pháp cần tu tập.

<sup>9</sup>. Giới 戒; Pāli: sīla, giới.

<sup>10</sup>. Liệt kê của D.34: sīla (giới), citta (tâm), diṭṭhi (kiến), kaṅkhāvitarāṇa (đoạn nghi),

“Thế nào là chín tu pháp? Đó là chín gốc rễ của hỷ: hỷ, ái, duyệt, lạc, định, như thật tri, trừ xả, vô dục, giải thoát<sup>11</sup>.

“Thế nào chín giác pháp? Đó là chín nơi cư trú của chúng sanh:

“1. Hoặc có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, với nhiều tướng khác nhau, tức là chư Thiên và loài người. Đó là nơi cư trú thứ nhất của chúng sanh.

“2. Lại có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, nhưng với một tướng giống nhau, tức là trời Phạm quang âm lúc mới sanh. Đó là nơi cư trú thứ hai của chúng sanh.

“3. Lại có chúng sanh với một thân giống nhau, nhưng với nhiều tướng khác nhau, tức là trời Quang âm. Đó là nơi cư trú thứ ba của chúng sanh.

“4. Lại có chúng sanh với một thân một tướng giống nhau, tức là trời Biến tịnh. Đó là nơi cư trú thứ tư của chúng sanh.

“5. Lại có chúng sanh không có tướng và không có giác tri, tức là trời Vô tướng<sup>12</sup>. Đó là nơi cư trú thứ năm của chúng sanh.

“6. Lại có chúng sanh an trú hư không xứ. Đó là nơi cư trú thứ sáu của chúng sanh.

“7. Lại có chúng sanh an trú thức xứ. Đó là an trú thứ bảy của chúng sanh.

“8. Lại có chúng sanh an trú vô sở hữu xứ. Đó là nơi cư trú thứ tám của chúng sanh.

“9. Lại có chúng sanh an trú phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là nơi cư trú thứ chín của chúng sanh.

“Thế nào là chín diệt pháp? Đó là chín gốc rễ của ái: nhân ái có tìm cầu; nhân tìm cầu có lợi; nhân lợi có dụng; nhân dụng có dục; nhân dục có dính trước; nhân dính trước có tật đố; nhân tật đố có bảo thủ; nhân bảo thủ có hộ.

“Thế nào là chín thối pháp? Đó là chín não pháp: có người đã não hại ta; nó đang não hại ta; nó sẽ não hại ta; nó đã xâm hại cái ta thương

maggāmaggañānadassana (đạo phi đạo tri kiến), paṭipadāñānadassana (đạo tích tri kiến), ñāṇadassana (tri kiến), paññā (tuệ), vimutti (giải thoát).

<sup>11</sup>. Không thấy tương đương trong D.34.

<sup>12</sup>. Vô tướng vô sở giác tri 無想無所覺知; No.1536: vô tướng vô biệt tướng 無想無別想; Pāli: asaññino appaṭṭisamvedino.

yêu; nó đang xâm hại cái ta thương yêu; nó sẽ xâm hại cái ta thương yêu; nó đã yêu kính cái ta ghét; nó đang yêu kính cái ta ghét; nó sẽ yêu kính cái ta ghét.

“Thế nào là chín tăng pháp? Đó là chín vô não: Người kia đã xâm hại ta; nghĩ vậy chẳng có ích gì: đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. Nó xâm não cái ta yêu thương; nghĩ như vậy chẳng có ích gì: đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. Nó yêu thương cái ta ghét; nghĩ như vậy chẳng có ích gì: đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não.

“Thế nào là chín nan giải pháp? Đó là chín phạm hạnh: Nếu Tỳ-kheo có tín nhưng không trì giới, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín và có giới thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, nhưng không có đa văn, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, nhưng không thể thuyết pháp, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nhưng không thể nuôi chúng, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, nhưng giữa đại chúng không thể quảng diễn pháp ngôn, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, giữa đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, nhưng không chứng đắc Tứ thiên, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng, lại đắc Tứ thiên, thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, giữa đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, lại chứng đắc Tứ thiên, nhưng đối với tám giải thoát không thể thuận nghịch du hành, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng, lại đắc Tứ thiên, đối với tám giải thoát có thể thuận nghịch du hành, thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, giữa đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn,



lại chứng đắc Tứ thiên, đối với tám giải thoát có thể thuận nghịch du hành, nhưng không thể diệt tận các lậu, thành vô lậu tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại mà tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng, lại đắc Tứ thiên, đối với tám giải thoát có thể thuận nghịch du hành, có thể diệt tận các lậu, thành vô lậu tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại mà tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, thì phạm hạnh đầy đủ.

“Thế nào là chín sanh pháp? Đó là chín tướng: tướng về sự bất tịnh; tướng về sự bất tịnh của thức ăn; tướng về hết thấy thế gian không đáng ưa thích; tướng về sự chết; tướng về vô thường; tướng vô thường là khổ; tướng khổ là vô ngã; tướng về sự diệt tận; tướng về vô dục.

“Thế nào là chín tri pháp? Đó là chín dị pháp: sanh quả dị nhân quả dị; sanh xúc dị nhân xúc dị; sanh thọ dị nhân thọ dị; sanh tưởng dị nhân tưởng dị; sanh tập dị nhân tập dị; sanh dục dị nhân dục dị; sanh lợi dị nhân lợi dị; sanh cầu dị nhân cầu dị; sanh phiền não dị nhân phiền não dị.

“Thế nào là chín chứng pháp? Đó là chín tận<sup>13</sup>: Nếu nhập Sơ thiên, thì gai nhọn là âm thanh bị diệt trừ. Nhập đệ Nhị thiên, thì gai nhọn là giác và quán bị diệt trừ. Nhập đệ Tam thiên, thì gai nhọn là hỷ bị diệt trừ. Nhập đệ Tứ thiên, thì gai nhọn là hơi thở ra vào bị diệt trừ. Nhập không xứ thì gai nhọn là sắc tướng bị diệt trừ. Nhập thức xứ thì gai nhọn là không tướng bị diệt trừ. Nhập bất dụng xứ thì gai nhọn là thức tướng bị diệt trừ. Nhập hữu tướng vô tướng xứ thì gai nhọn là bất dụng tướng bị diệt trừ. Nhập diệt tận định thì gai nhọn là tướng và thọ bị diệt trừ.

“Các Tỳ-kheo, đó là chín mươi pháp như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

“Lại nữa, có mười thành pháp, mười tu pháp, mười giác pháp, mười diệt pháp, mười thối pháp, mười tăng pháp, mười nan giải pháp, mười sanh pháp, mười tri pháp, mười chứng pháp.

<sup>13</sup>. Cửu tận 九盡; Pāli: nava anupubbanirodhā, chín sự diệt trừ theo thứ tự.

“Thế nào là mười thành pháp? Đó là mười cứu pháp<sup>14</sup>.

“1. Tỳ-kheo đầy đủ hai trăm năm mươi giới, đầy đủ oai nghi, thấy lỗi nhỏ nhặt sanh tâm lo sợ lớn, chân chánh học giới<sup>15</sup>, tâm không nghiêng lệch.

“2. Có được thiện tri thức.

“3. Ngôn ngữ trung chánh, nhẫn nhịn được nhiều điều<sup>16</sup>.

“4. Ưu cầu thiện pháp, phân bố không tiếc lẫn.

“5. Các đồng phạm hạnh có việc phải làm liền đến giúp đỡ không lấy làm mệt nhọc, làm được những việc khó làm và cũng dạy người khác làm.

“6. Nghe nhiều; nghe xong thì ghi nhớ không hề quên.

“7. Tinh tấn, diệt trừ bất thiện pháp, tăng trưởng thiện pháp.

“8. Thường tự chuyên niệm, không có tưởng khác, nhớ những hành vi thiện từ trước như thấy trước mắt.

“9. Trí tuệ thành tựu, quán sự sanh diệt của các pháp, bằng pháp luật Hiền thánh mà đoạn trừ gốc khổ.

“10. Vui với sự nhàn cư, chuyên niệm tư duy, ở trung gian thiền, không có đùa giỡn.

“Thế nào là mười tu pháp? Đó là mười chánh hành: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh tri.

“Thế nào là mười giác pháp? Đó là mười sắc nhập<sup>17</sup>: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập; sắc, thanh, hương, vị, xúc nhập.

“Thế nào là mười diệt pháp? Đó là mười tà hạnh: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát, tà trí.

“Thế nào là mười thối pháp. Đó là mười bất thiện hành tích<sup>18</sup>:

---

<sup>14</sup>. Cứu pháp; Pāli: nāthakaraṇa: tác nhân che chở.

<sup>15</sup>. Nguyên văn: bình đẳng học giới 平等學戒; Pāli: samādāya sikkhati sikkhapa-desu, sau khi thọ lãnh, tu học trong các học xứ.

<sup>16</sup>. Đa sở hàm thọ 多所含受; Trường II, tr.646: nhẫn nại và nhận sự chỉ trích một cách cung kính.

<sup>17</sup>. Sắc nhập, hay sắc xứ.

<sup>18</sup>. Thập bất thiện hành tích 十不善行跡, hay Thập bất thiện nghiệp đạo 十不善業道; Pāli: dasa akusalakammapathā.

thân có sát, đao, dâm; khẩu có hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt; ý có tham lam, tật đố, tà kiến.

“Thế nào là mười tăng pháp? Đó là mười thiện hành: thân không sát, đao, dâm; khẩu không hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt; ý không tham lam, tật đố, tà kiến.

“Thế nào là mười nan giải pháp? Đó là mười Hiền thánh cư<sup>19</sup>:

“1. Tỳ-kheo trừ diệt năm chi<sup>20</sup>.

“2. Thành tựu sáu chi<sup>21</sup>.

“3. Xả một chi<sup>22</sup>.

“4. Y trên bốn<sup>23</sup>.

“5. Diệt dị đế<sup>24</sup>.

“6. Thắng diệu cầu<sup>25</sup>.

“7. Không trước tưởng<sup>26</sup>.

“8. Thân hành đã lập<sup>27</sup>.

“9. Tâm giải thoát.

“10. Tuệ giải thoát.

“Thế nào là mười sanh pháp? Đó là mười trường hợp khen ngợi: Nếu Tỳ-kheo tự mình đã có được tín tâm rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người có được tín tâm. Tự mình đã trì giới rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người trì giới. Tự mình

19. Mười thánh cư; Pāli: dasa ariyavāsā.

20. Tức diệt năm triền cái.

21. Tức thành tựu sự chế ngự sáu căn môn.

22. Pāli: ekārakho (...) satārakkhena cetasā samannāgato, một hộ trì, thành tựu sự hộ trì, tức chuyên niệm không xao lãng. Eka (một) + ārakkha (thủ hộ), bản Hán: eka + arakkha: không thủ hộ = xả.

23. Tứ y 四依, xem *Tập dị môn túc*, No.1536: tứ trạch một pháp cần viễn ly, một pháp cần thọ dụng, một pháp cần trừ khử, một pháp cần nhẫn thọ; Pāli: caturāpasseno: saṅkhāyakam paṭisevati, adhivāseti, parivajjeti, vinodeti, sau khi tứ duy, thọ dụng một pháp, nhẫn thọ (một pháp), viễn ly (một pháp), trừ khử (một pháp). Xem Trường II, tr.649.

24. Diệt dị đế 滅異諦; Pāli: paṇunnapaccakasacco, loại trừ thiên kiến, tức giáo điều cố chấp của ngoại đạo.

25. Thắng diệu cầu 勝妙求; Pāli: samavāyasatṭhesana: đoạn tận các dục cầu.

26. Vô trước tưởng; Pāli: anāvilasankappo, tư duy không ô trước.

27. Thân hành dĩ lập 身行已立; Pāli: passaddhakāyasaṅkhāro, thân hành khinh an.

thiếu dục rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người thiếu dục. Tự mình tri túc rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người tri túc. Tự mình ưa nhàn tĩnh rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người ưa nhàn tĩnh. Tự mình đa văn rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người đa văn. Tự mình tinh tấn rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người tinh tấn. Tự mình chuyên niệm rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người chuyên niệm. Tự mình đăc thiền định rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người đăc thiền định. Tự mình đăc trí tuệ rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người đăc trí tuệ.

“Thế nào là mười tri pháp? Đó là mười diệt pháp<sup>28</sup>: Người chánh kiến có thể diệt trừ tà kiến, diệt trừ sạch những gì là vô số ác duyên tà kiến mà khởi lên và thành tựu những gì là vô số thiện nhân nơi chánh kiến mà sanh khởi. Người có chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí có thể diệt trừ tà trí và vô số ác nhân tà trí sanh khởi cũng hoàn toàn bị diệt tận; vô số thiện pháp, nhân nơi chánh trí sanh khởi, thấy đều được thành tựu.

“Thế nào là mười vô học pháp? Vô học chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

“Các Tỳ-kheo, đó là trăm pháp như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất được Phật ấn khả. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Xá-lợi-phất thuyết, hoan hỷ phụng hành.



---

<sup>28</sup>. Thập diệt pháp 十滅法; *dasa nijjaravatthūni*, mười cơ sở diệt trừ.